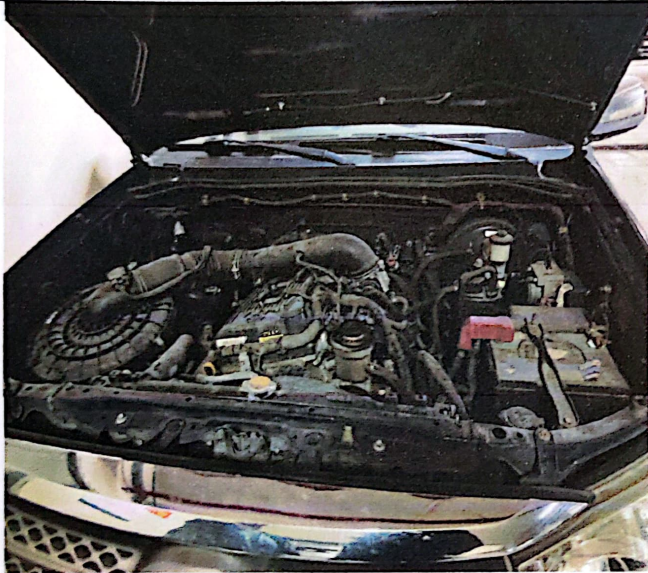
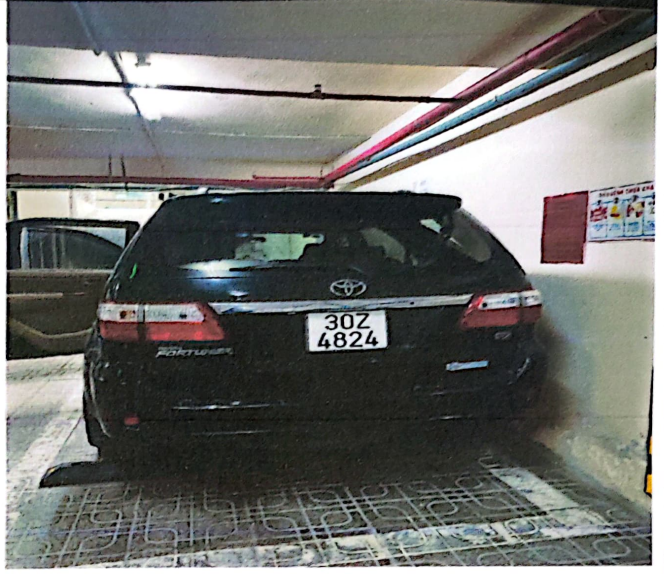


## PHỤ LỤC 02: ẢNH TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Chứng thư thẩm định giá số: 5.3-1/2024/CT-VAAE ngày 03 tháng 05 năm 2024 của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định Tài sản Việt Nam)





CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM  
Socialist Republic of Vietnam

Mẫu số 10  
BH kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BGA-CT  
Ngày 11/12/2009 của Bộ Công an

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
Ha Noi City's Public security  
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG  
The Traffic Police Division

**ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ**  
**CAR REGISTRATION CERTIFICATE**

Số (Number): **044265**

Tên chủ xe (Owner's full name):  
TT CÔNG NGHỆ TT NHẬT&PT V/NAM

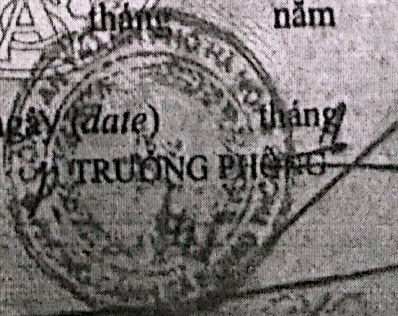
Địa chỉ (Address):  
38 Hàng Bài Hoàn Kiếm HN

Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N°/Passport):

Biển số đăng ký (N° Plate): **30Z-4824**

Nhãn hiệu (Brand):	TOYOTA	Số loại (Model code):	FORTUNER
Loại xe (Type):	Ô TÔ CON	Màu sơn (Color):	Đen
Số máy (Engine N°):	2TR6968864		
Số khung (Chassis N°):	RL4YX59G5A9005978		
Công suất (Horsepower):		Dung tích (Capacity):	1694
Năm sản xuất (Year of manufacture):		Tự trọng (Empty weight):	
Tải trọng (Loading capacity):	Hàng hoá (Goods):	kg;	
Số chỗ (Seat capacity):	Ngồi (Sit):	Đứng (Stand):	Nằm (Lie):
Trọng lượng kéo theo (Towed weight):	kg;	Kích thước bao (Overall dimension):	
Dài (Length):	m; Rộng (Width):	m; Cao (Height):	m
Đăng ký xe có giá trị đến ngày	tháng	năm	
Valid until date			

Hà Nội, ngày (date) tháng năm



Đăng ký lần đầu ngày:  
Date of first registration



## CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the following:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environmental protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basis for transferring vehicle.

## BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT - Vietnam Register

### GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 5039068

### 1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 30Z-4824

(Registration Number)

Số quản lý: 2903S-023564

(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) FORTUNER KUN51L-NKPSYM

Số máy: (Engine Number) 2TR6968864

Số khung: (Chassis Number) RL4YX59G5A9005978

Năm, Nước sản xuất: 2010, Việt Nam

Niên hạn SD:

(Manufactured Year and Country)

(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use)  Cải tạo (Modification)

### 2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1540/1540 (mm)  
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4695 x 1840 x 1850 (mm)

Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)

(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2750 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1,845 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)

(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2450/-- (kg)

(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)

(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 7 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2694 (cm<sup>3</sup>)

Công suất lớn nhất/lưu tốc quay: (Max. output/rpm) 118(kW)/5200vph

Số sê-ri (No.) DA-5039068

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2: 265/65R17

2: 2: 265/65R17

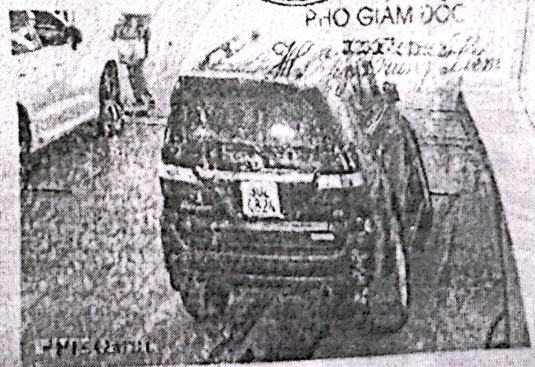
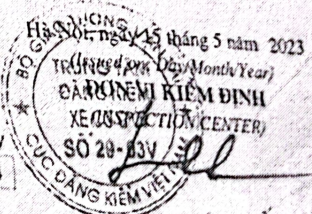
Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

2903V-17078/23

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 14/05/2024



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Chú chú:

C.T.C.P  
12  
101